CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trị An, ngày 16 tháng 06 năm 2022

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG CÔNG TRÌNH

Số: 11/2022/HĐTVGS

Về việc: Tư vấn giám sát thi công xây dựng gói thầu số 01 Đường Lò Than, xã Trị An

Giữa

UBND xã Trị An

Và

Công ty TNHH Xây dựng Phan Lê Nguyễn

PHẦN 1 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 16 tháng 06 năm 2022 của UBND xã Trị An về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu rút gọn Gói thầu số 02 (tư vấn) giám sát thi công xây dựng gói thầu số 01 công trình: Đường Lò Than, xã Trị An .

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 16 tháng 06 năm 2022, Tại UBND xã Trị An, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1) Đại diện chủ đầu tư : **UBND xã Trị An**

Đại diện Ông (Bà)	: **Nguyễn Hải Bằng**	Chức vụ	:	**Chủ tịch**
Điện thoại	: 0251.3929014	Fax	:	
Địa chỉ	: Xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai			
Số tài khoản	: 9552.3.7947864			
Tại	: KBNN huyện Vĩnh Cửu			

2) Đại diện nhà thầu Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: **Công ty TNHH xây dựng Phan Lê Nguyễn**

Đại diện Ông (Bà)	: **Nguyễn Văn Thành Luân**	Chức vụ	:	**Giám Đốc**
Điện thoại	: 0975658094	Fax	:	
Địa chỉ	: Số 87/104, tổ 10b, KP. Đồng Nai, P. Hóa An, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai			
Số tài khoản	: 679.100.002.066.83			
Tại	: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Biên Hòa, Đồng Nai			
Mã số thuế	: 3603552944			

Bên A và Bên B được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **Các Bên**

Các Bên tại đây thống nhất thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1. MÔ TẢ PHẠM VI CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý nhận thực hiện các công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, cho như sau:

1. Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình:

a- Tổ chức kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo qui định của pháp luật;

b- Tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình do nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung cấp thiết bị thực hiện theo yêu cầu của thiết kế, bao gồm:

+ Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, kết quả thí nghiệm của các phòng thí nghiệm hợp chuẩn và kết quả kiểm định chất lượng thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận đối với vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt cho công trình trước khi đưa vào công trình;

+ Trường hợp nghi ngờ các kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị lắp đặt vào công trình do nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung cấp thiết bị thực hiện thì Bên B báo cáo Bên A để tiến hành thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng.

c- Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình, bao gồm:

+ Kiểm tra biện pháp thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

+ Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình nhà thầu thi công xây dựng công trình triển khai các công việc tại hiện trường. Kết quả kiểm tra đều phải ghi nhật ký giám sát của Bên A hoặc biên bản kiểm tra theo quy định;

+ Xác nhận bản vẽ hoàn công;

+ Nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

+ Tập hợp, kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu thiết bị, nghiệm thu hoàn thành từng hạng mục công trình xây dựng và hoàn thành công trình xây dựng;

+ Phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế để đề nghị chủ đầu tư điều chỉnh hoặc yêu cầu nhà thầu thiết kế điều chỉnh;

+ Phối hợp với chủ đầu tư tổ chức kiểm định lại chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng;

+ Phối hợp với Bên A và các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình.

ĐIỀU 2. GIÁ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN

2.1. **Giá trị chỉ định thầu** : **40.697.606 đồng,** (Bằng chữ: *Bốn mươi triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn, sáu trăm lẻ sáu đồng.*) thống nhất giảm 2% thuế GTGT theo nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022 của chính phủ

- Giá trị trúng thầu sau giảm 2% thuế GTGT (làm tròn) : **39.957.000 đồng ,** Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng (bao gồm VAT)
- Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của Nhà thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

2.2. Tạm ứng: Nhà thầu không tạm ứng

2.3.Thanh toán

- Nhà thầu có thể thanh toán khối lượng thành nhiều đợt (giá trị thanh toán từng

đợt căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng từng đợt để làm cơ sở thanh toán

- Khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng, nhà thầu giao đầy đủ hồ sơ cho CĐT, thì CĐT sẽ thanh toán hết 100% giá trị hợp đồng cho nhà thầu.

ĐIỀU 3. THAY ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH GIÁ HỢP ĐỒNG

3.1. Chi phí phát sinh chỉ được tính nếu công việc của Bên B gia tăng phạm vi công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

3.2. Chi phí phát sinh sẽ được thoả thuận và thanh toán giữa Bên A và Bên B. Việc tính toán chi phí phát sinh sẽ căn cứ trên cơ sở tính toán Giá hợp đồng và các thoả thuận về việc điều chỉnh Giá hợp đồng khi có các thay đổi cho phép tính toán chi phí phát sinh theo điều khoản quy định về việc thanh toán chi phí phát sinh.

ĐIỀU 4. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Tiến độ thực hiện hợp đồng: Từ khi khởi công đến khi nghiệm thu hoàn thành gói thầu số 01 đưa vào sử dụng.

Hình thức thực hiện hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CHUNG CỦA BÊN B

5.1. Bên B đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư được qui định và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các qui định về tiêu chuẩn của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

5.2. Bên B phải đảm bảo giám sát thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình nhằm hoàn thành đúng tiến độ, đúng thiết kế, đảm bảo chất lượng và an toàn;

5.3. Bên B phải lập đề cương giám sát thi công xây dựng để trình chủ đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện việc giám sát;

5.4. Bên B có trách nhiệm thường xuyên quản lý, giám sát, đôn đốc các nhà thầu thi công xây dựng công trình, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đã được đề ra, đảm bảo chất lượng và an toàn của công trình, hạng mục công trình.

5.5. Bên B sẽ phải tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên B, ngoại trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

5.6. Bên B phải bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của Bên A trong quá trình thực hiện các công việc của mình;

5.7. Bên B phải có trách nhiệm cử người có đủ chuyên môn cùng với Bên A chứng minh, bảo vệ sự chính xác đầy đủ của các tài liệu liên quan đến khối lượng, chất lượng của công trình trước các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng này;

5.8 Bên B có trách nhiệm báo cáo thường xuyên tình hình công việc ở công trình cho Bên A bằng văn bản hàng tuần, tháng và hoàn thành công trình.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHUNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

6.1. Bên A phải thông báo quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giám sát thi công xây dựng công trình cho nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu thiết kế xây dựng công trình biết để phối hợp thực hiện.

6.2. Khi phát hiện các sai phạm về chất lượng công trình xây dựng của nhà thầu thi công xây dựng công trình thì phải buộc nhà thầu dừng thi công và yêu cầu khắc phục hậu quả.

6.3. Bên A sẽ cung cấp cho Bên B các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án mà Bên A có được trong khoảng thời gian sớm nhất theo đề nghị của Bên B;

6.4. Bên A sẽ cung cấp cho Bên B một (01) bản sao của tất cả các tài liệu liên quan đến thiết kế, hợp đồng đã ký kết với các nhà thầu khác;

6.5. Bên A sẽ cùng hợp tác với Bên B và tạo điều kiện đến mức tối đa cho Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng;

6.6. Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong hợp đồng này;

6.7. Bên A sẽ cùng bàn bạc và đi tới thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của Bên B;

ĐIỀU 7. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

7.1.1. Tạm ngừng hợp đồng bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng công việc của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý.

7.1.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B:

(a) Phá dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,

(b) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này, hoặc Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Bên B trước 14 ngày chấm dứt Hợp đồng.

7.1.3. Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư

Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Bên B việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 14 ngày kể từ ngày mà Bên B nhận được thông báo này của Chủ đầu tư.

7.2 Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên B:

7.2.1. Quyền tạm ngừng công việc của Bên B

Nếu Chủ đầu tư không tuân thủ Điều 2 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] Bên B có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 14 ngày, sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Bên B được tạm ứng, thanh toán theo các điều khoản của hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Nếu Bên B tiếp đó nhận được chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Bên B phải chịu sự chậm trễ và / hoặc các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A và có quyền:

(a) Gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ và

(b) Thanh toán các chi phí đó cộng thêm lợi nhuận hợp lý, được tính vào giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Bên A sẽ đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

7.2.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 14 ngày trong các trường hợp quy định dưới đây:

(a) Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn cho Bên B theo hợp đồng này và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 2 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] trong vòng 14 ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B về những khoản thanh toán đã bị quá hạn;

(b) Bên A về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,

(c) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 07 ngày.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Bên B có thể, bằng thông báo trước 14 ngày cho Bên A để chấm dứt Hợp đồng.

7.3. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng

7.3.1. Nếu xảy ra một trong những trường hợp phải chấm dứt hợp đồng, một bên có thể thông báo cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng trước 14 ngày.

7.3.2. Bên B phải chuyển các tài liệu mà mình đã thực hiện được tại thời điểm chấm dứt hợp đồng cho Bên A .

7.3.3. Sau khi chấm dứt hợp đồng Bên A có thể tiếp tục thực hiện công việc hoặc sắp đặt cho đơn vị khác thực hiện. Bên A và đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào của Bên A đã được thực hiện hoặc đại diện Bên A thực hiện.

7.3.4. Sớm nhất có thể sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng và không muộn hơn 30 ngày sau đó, Bên A và Bên B sẽ thảo luận và xác định giá trị của công việc và các tài liệu của Bên B đã thực hiện theo hợp đồng (Giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt). Trong vòng 07 ngày sau khi xác định Giá trị hợp đồng tại thời điểm chấm dứt, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền này.

ĐIỀU 8. VIỆC BẢO MẬT

Ngoại trừ những nhiệm vụ được Bên A yêu cầu, Bên B không được phép tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào về công việc của mình hoặc bất cứ thông tin nào liên quan đến Dự án, Công trình, Hạng mục công trình, gói thầu do Bên B thực hiện theo hợp

đồng này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A .

ĐIỀU 9. BẢO HIỂM

Để tránh những rủi ro về trách nhiệm nghề nghiệp, Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định của pháp luật.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

10.1. Định nghĩa về bất khả kháng

"Bất khả kháng" là sự kiện sảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bảo, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh...và các thảm hoạ khác chưa lường hết trước được hoặc những yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam phù hợp với qui định của pháp luật.

10.2. Thông báo tình trạng bất khả kháng

Nếu một trong hai bên vì điều kiện bắt buộc không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm, công việc của mình do trường hợp bất khả kháng hoặc do bị ảnh hưởng bởi một bên khác theo hợp đồng thì trong vòng 07 ngày sau khi sự cố xảy ra bên bị ảnh hưởng sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản toàn bộ sự việc chi tiết của trường hợp bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Khi trường hợp bất khả kháng xảy ra, thì không áp dụng đối với nghĩa vụ thanh toán của bất cứ bên nào cho bên kia theo Hợp đồng.

Một bên phải gửi thông báo cho Bên kia khi không còn bị ảnh hưởng bởi tình trạng bất khả kháng.

10.3. Trách nhiệm của các Bên trong trường hợp bất khả kháng

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng.

Trong trường hợp xảy ra sự bất khả kháng thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình, sự cố này sẽ phải được giải quyết càng sớm càng tốt với sự nỗ lực của cả hai bên.

10.4 Chấm dứt hợp đồng có lựa chọn và thanh toán.

Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một Bên hoặc các Bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ. Bên có thông báo về tình trạng bất khả kháng sẽ gửi thông báo về việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực trong vòng 07 ngày sau khi Bên kia nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng.

Sau khi chấm dứt hợp đồng theo Khoản này, Bên B sẽ được thanh toán:

10.4.1. Các khoản thanh toán cho các sản phẩm đã hoàn thành và đã được Bên A xác nhận.

10.5. Nghĩa vụ thực hiện theo qui định của pháp luật

Bất kể mọi quy định khác của Điều này, nếu một sự việc hay trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của các Bên (bao gồm, nhưng không giới hạn ở bất khả kháng) xảy ra mà làm một hoặc hai Bên không thể hoặc không theo luật định để hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng của họ hoặc theo Luật điều chỉnh hợp đồng, mà các bên được quyền không phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, trên cơ sở thông báo của bên này cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp này, thì các Bên sẽ hết nghĩa vụ tiếp tục thực hiện công việc này, mà không làm phương hại các quyền của bất kể bên nào.

ĐIỀU 11. THƯỞNG, PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

11.1. Phạt vi phạm hợp đồng

11.2. Đối với Bên B: Nếu do lỗi của Bên B làm chậm tiến độ 01 ngày phạt 0.5% nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng vi phạm.

11.3. Đối với Bên A: Nếu không cung cấp kịp thời những tài liệu và thanh toán theo yêu cầu của tiến độ đã được xác định thì cũng sẽ bị phạt theo hình thức trên.

ĐIỀU 12. KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TRỌNG TÀI

Nếu có phát sinh tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng này hoặc bất cứ vấn đề gì phát sinh, các bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hữu hảo. Nếu thương lượng không có kết quả thì trong vòng 14 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên sẽ đệ trình vấn đề lên Toà án Nhân dân hoặc Trọng tài để xử lý tranh chấp theo qui định của pháp luật. Quyết định của Toà án Nhân dân hoặc Trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

ĐIỀU 13. QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG

13.1. Quyết toán hợp đồng

Trong vòng 14 ngày sau khi nhận được Biên bản xác nhận của Chủ đầu tư rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 02 bộ dự thảo quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên A đã chấp thuận:

a) Giá trị của tất cả các công việc được làm theo đúng Hợp đồng và

b)Số tiền khác mà Bên B coi là đến hạn thanh toán theo Hợp đồng hoặc các thỏa thuận khác

Nếu Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của dự thảo quyết toán hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi dự thảo theo sự nhất trí của hai bên. Bên B sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán hợp đồng như hai bên nhất trí.

13.2. Chấm dứt trách nhiệm của Bên A

Sau khi quyết toán hợp đồng đã được ký bởi các bên, Bên A sẽ không chịu trách nhiệm với Bên B về bất cứ vấn đề gì liên quan đến Hợp đồng, trừ khi Bên B đã nêu cụ thể:

a) Trong Quyết toán hợp đồng

b) Trừ những vấn đề và công việc nảy sinh sau khi ký Biên bản xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng của Bên B trong bản quyết toán hợp đồng.

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

14.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này

14.2. Hợp đồng này bao gồm 09 trang, được lập thành 06 bản. Bên A sẽ giữ 03 bản. Bên B sẽ giữ 03 bản.

14.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ **CHỦ TỊCH**	**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU** **GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Hải Bằng	**Nguyễn Văn Thành Luân**

